

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

CÔNG TY CP HÓA DẦU PETROLIMEX

26/04/2013

Mục lục

Mục lục	1
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Thông tin cổ phiếu	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
4. Tình hình tài chính	4
5. Quá trình hình thành và phát triển	5
6. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
7. Định hướng phát triển	7
8. Các rủi ro	8
II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Đánh giá tình hình tài chính	11
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	13
4. Kế hoạch phát triển	13
III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012	16
1. Những thành tựu đạt được	16
2. Tình hình đầu tư , thực hiện các dự án	16
3. Tổ chức và nhân sự	18
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	21
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	21
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	22
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	22
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
1. Hội đồng quản trị	22
2. Ban kiểm soát	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	25
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	27
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	27
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	28
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	29
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	31
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	32
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	34

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

“Khó khăn”, “khủng hoảng”, “suy giảm” là những từ được nhắc đến nhiều nhất trong các báo cáo về kinh tế trên thế giới trong suốt 2 năm trở lại đây. Trong khuôn khổ Báo cáo thường niên 2012 của Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex (PLC), cũng không thể bỏ qua những cụm từ ấy, nhưng có thể nói, so với mặt bằng chung trong ngành, PLC vẫn đạt được những thành tích nhất định.

Tổng kết năm 2012, toàn Công ty đạt 6.063 tỷ doanh thu và 226 tỷ lợi nhuận trước thuế, bằng 100% và 75% so với cùng kỳ. Chính nền tảng phát triển bền vững, căn bản và liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex từ sản xuất đến phân phối trên toàn quốc, đã giúp Công ty phần nào vượt qua được những khó khăn này.

Trong ba mảng hoạt động chính, sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn vẫn là ngành hàng chủ lực của Công ty, đóng góp chính về lợi nhuận cho Công ty và cũng là ngành hàng hoạt động tốt nhất của PLC trong năm vừa qua. Ngành hàng hóa chất cũng ghi nhận những kết quả ổn định, có dấu hiệu tăng trưởng trong năm qua.

Trên góc độ quản trị, Công ty mẹ đã phát huy tốt vai trò của mình trong nhiệm vụ là trụ cột, hỗ trợ phát triển cho các ngành hàng khác, đồng thời thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Công ty trong phát triển bền vững nhưng vẫn có thể ứng phó linh hoạt với tình hình thực tế kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex nhận định về tình hình năm 2013 chưa có nhiều dấu hiệu khả quan so với năm 2012 và xác định nhiệm vụ lớn nhất của Công ty trong năm nay vẫn là giữ vững kết quả kinh doanh và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của cả 3 ngành hàng để đón đầu làn sóng tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông và nhà đầu tư, cảm ơn sự hợp tác bền chặt của các khách hàng và các đối tác trong thời gian qua. Đặc biệt, tôi xin dành lời cảm ơn và sự khích lệ tới toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực, tạo dựng Công ty phát triển vững mạnh, để trở thành Tổng công ty mạnh của Petrolimex trong ngày hôm nay.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Thanh Sơn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	CÔNG TY CP HÓA DẦU PETROLIMEX
Tên viết tắt	PLC., JSC
Giấy CNĐKDN số	0101463614
Vốn điều lệ	602.393.780.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	602.393.780.000 đồng
Địa chỉ:	Tầng 18 & 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, q. Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	(04) 38513205
Fax:	(04) 38513207
Website	http://www.plc.petrolimex.com.vn

2. Thông tin cổ phiếu

Mã chứng khoán	PLC
Sàn niêm yết cổ phiếu tại	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ngày bắt đầu niêm yết	27/12/2006
Số lượng CP niêm yết	60.239.378 cổ phần

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực sản phẩm dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc;
- Các nước trong khu vực như Hongkong, Đài Loan, Trung quốc, Lào, Campuchia...

4. Tình hình tài chính

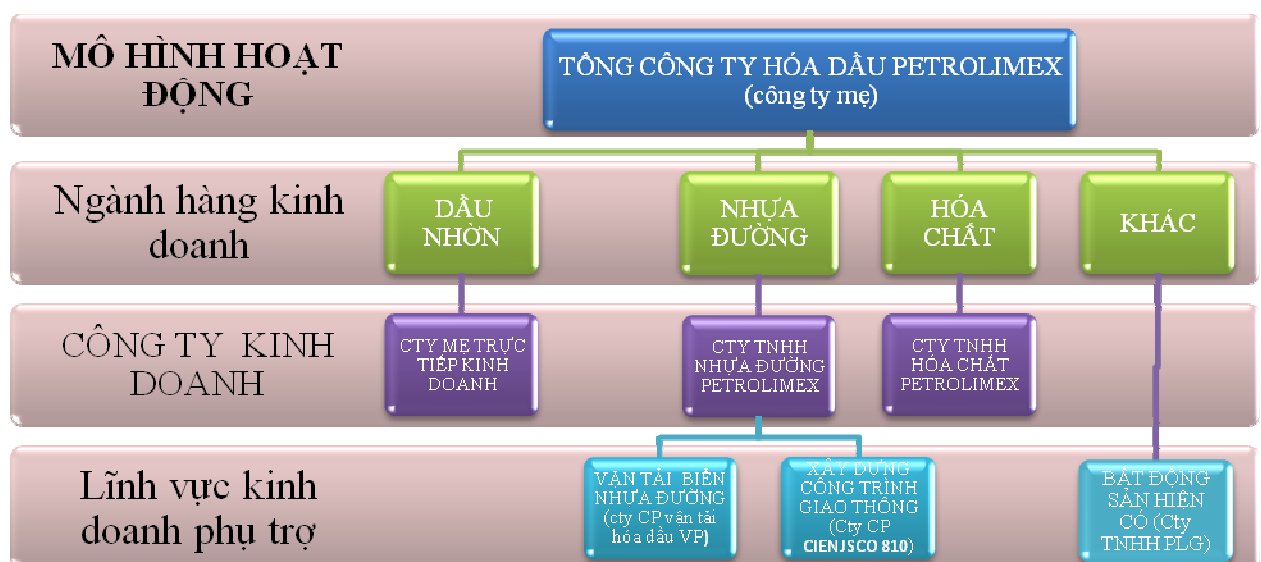
Chỉ tiêu (đơn vị tính triệu đồng)	2010	2011	2012
Doanh thu thuần	5,151,483	6,067,389	6,063,203
Giá vốn hàng bán	4,357,909	5,200,396	5,400,230
Lợi nhuận gộp	793,574	866,994	662,973
Chi phí bán hàng	300,579	357,628	327,267
Chi phí quản lý	85,638	65,983	67,157
Lợi nhuận khác	8,126	16,543	7,089
EBIT	362,079	377,964	303,794
Chi phí khấu hao	17,299	29,713	37,521
EBITDA	379,378	407,677	341,316
Chi phí tài chính ròng	106,274	156,186	48,903
Lợi nhuận trước thuế	309,208	303,739	226,735
Thuế TNDN	39,850	77,629	57,910
Lợi nhuận sau thuế	269,358	226,110	168,825
Tài sản ngắn hạn	2,018,646	2,486,058	2,086,355
Tài sản dài hạn	252,039	371,690	406,385
Tổng tài sản	2,270,685	2,857,748	2,492,740
Tổng vay ngắn hạn và dài hạn	1,070,231	1,352,700	1,077,283
Vốn chủ sở hữu	738,700	900,124	988,645
Chỉ số tài chính			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15.40%	14.29%	10.93%
Tỷ suất EBITDA	7.36%	6.72%	5.63%
Tỷ suất EBIT	7.03%	6.23%	5.01%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	5.23%	3.73%	2.78%
Tăng trưởng doanh thu thuần	37.64%	17.78%	-0.07%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	55.80%	-16.06%	-25.34%
Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	0.87	0.82	0.92
Nợ vay trên vốn chủ sở hữu	2.07	2.17	1.52
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE)	36.46%	25.12%	17.08%
Thu nhập trên Tổng tài sản (ROA)	11.86%	7.91%	6.77%
EPS	4,471	3,754	2,803

5. Quá trình hình thành và phát triển

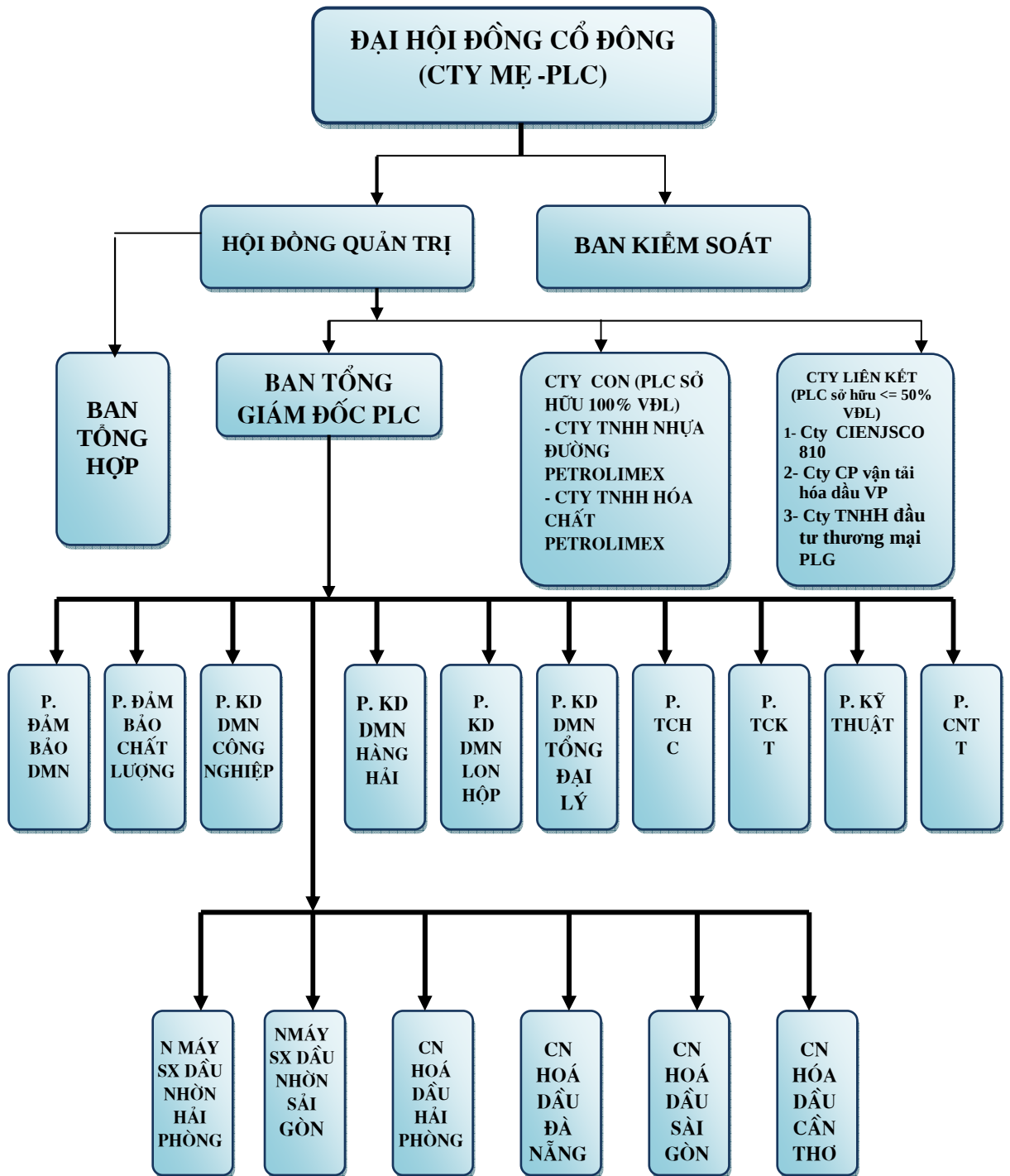
Tháng 04/2013	• Đổi tên thành Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tháng 3/2010	• Góp vốn thành lập Công ty TNHH đầu tư thương mại PLG
Tháng 3/2008	• Góp vốn thành lập Công ty CP vận tải hóa dầu VP
Tháng 2/2007	• Góp vốn thành lập Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810
Tháng 12/2006	• Niêm yết cổ phiếu PLC trên HNX
Tháng 03/2006	• Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
Tháng 12/2005	• Thành lập Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex
Tháng 03/2004	• Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối
Tháng 10/1998	• Đổi tên thành công ty Hóa Dầu trực thuộc Petrolimex
Tháng 06/1994	• Thành lập công ty Dầu nhờn trực thuộc Petrolimex

6. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

6.1. Mô hình quản trị



6.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



6.3. Các công ty con, công ty liên kết

6.3.1. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

- Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, q. Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ thực góp: 100 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính : Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường; Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

6.3.2. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

- Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà 229 phố Tây Sơn, q. Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ thực góp : 100 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp. Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp : vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

6.3.3. Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 810 (CIENJSCO 810)

- Địa chỉ : Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, p. Hoàng Liệt, q Hoàng Mai, Hà Nội
- Vốn điều lệ thực góp : 18,5 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 24,61% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: Xây dựng các công trình giao thông trong nước và nước ngoài, san lấp mặt bằng, hạ tầng các công trình; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi...;

6.3.4. Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP

- Địa chỉ: phòng 703 tầng 7, tòa nhà Central Tower, 43 Quang Trung, q Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Vốn điều lệ thực góp : 85,762 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 39,64% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: Vận tải các sản phẩm hóa dầu; mua bán tàu; đầu tư tài chính;
- Công ty đang trong giai đoạn tập trung đầu tư, đóng 02 tàu biển chuyên dụng vận tải nhựa đường nóng, trọng tải mỗi tàu là 2.800 DWT, 01 tàu đang chạy thử nghiệm;

6.3.5. Công ty TNHH đầu tư thương mại PLG

- Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà 195 Khâm Thiên, q. Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ : 10 tỷ VNĐ; Tỷ lệ góp vốn của PLC : 50% Vốn điều lệ;
- Ngày 17/06/2010, Công ty TNHH đầu tư thương mại PLG được thành lập;
- Ngành, nghề kinh doanh chính : Dịch vụ kinh doanh, quảng cáo, tư vấn, quản lý bất động sản và các dịch vụ có liên quan đến quản lý bất động sản;
- Công ty đang trong giai đoạn tập trung hoàn thiện thủ tục đầu tư xây dựng toà nhà văn phòng tại số 775 phố Giải Phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội;

7. Định hướng phát triển

Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Petrolimex. Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm hóa dầu như dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất.

Sau khi tái cấu trúc, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, Công ty đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị

trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Công ty vào các doanh nghiệp khác, đều là các doanh nghiệp phụ trợ trong chuỗi sản xuất, vận tải, tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Chính vì vậy, khi gặp những biến động trên thị trường, Công ty vẫn vững vàng vượt qua thử thách. Định hướng phát triển trong giai đoạn tới của Công ty vẫn tập trung vào củng cố vị thế và phát triển quy mô ba ngành hàng trên thị trường trong nước và quốc tế. Định hướng này được cụ thể hóa bằng các mục tiêu:

- Phát triển bền vững trên 3 ngành hàng chính là dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất;
- Giữ vững và tăng thị phần các sản phẩm hóa dầu tại Việt Nam;
- Tăng cường và giữ vững quan hệ với bạn hàng truyền thống, tiếp tục mở rộng thị trường trong và ngoài nước;
- Chú trọng công tác nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hóa các nhóm sản phẩm, đặc biệt là nhóm sản phẩm có chất lượng cao;
- Tiếp tục đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để duy trì lợi thế kinh doanh trên cả 3 ngành hàng chính;
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các Cổ đông đầu tư vào Công ty;
- Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động;
- Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

8. Các rủi ro

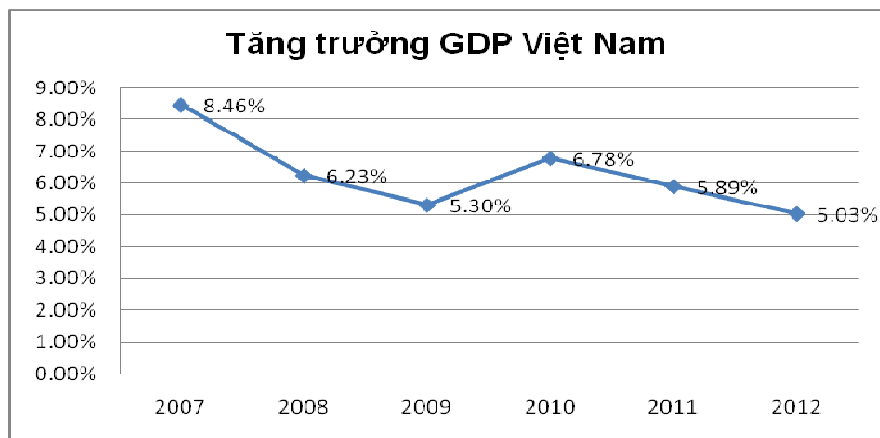
Các sản phẩm, dịch vụ Công ty kinh doanh đang phải cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại do các hãng nước ngoài sản xuất mang thương hiệu toàn cầu. Tuy nhiên, nhãn hiệu hàng hóa Petrolimex của Công ty cũng là một thương hiệu mạnh, có uy tín trên thị trường Việt Nam. Hướng ứng phong trào người Việt Nam dùng hàng Việt Nam hiện nay, Công ty luôn xác định phải nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ thị phần và khẳng định vị thế của Petrolimex trên thị trường.

8.1. Rủi ro về kinh tế:

PLC là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu nên kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước cũng như những biến động về nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới. Đầu ra, tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu là thị trường trong nước, với khách hàng chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, vận tải và hạ tầng giao thông. Do vậy, các chính sách vĩ mô của nhà nước nhằm kiềm chế lạm phát hay kích thích tăng trưởng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Về tăng trưởng kinh tế: Năm 2012 là năm đầy bất ổn với nền kinh tế thế giới, một số nước trong Eurozone vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng; hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản đều phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng. Theo đánh giá của WB, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến ở mức yếu, năm 2012 khoảng 2,3% , năm 2013 khoảng 2,4%, sau đó tăng lên 3,1% năm 2014 và 3,3% năm 2015. Tuy nhiên, riêng khu vực đồng tiền chung châu Âu vẫn còn nhiều rủi ro và được dự đoán vẫn tăng trưởng âm. Ảnh hưởng của kinh tế thế giới cùng với mục tiêu kiềm chế lạm phát đã khiến GDP Việt Nam năm 2012 tăng trưởng ở mức thấp nhất trong vòng 13 năm qua. Mức tăng trưởng kinh tế thấp là kết quả của việc thắt chặt chi tiêu công, ngân sách phân bổ cho đầu tư công rất hạn

chế, trong đó có đầu tư cho hạ tầng giao thông vận tải, đã làm ảnh hưởng không nhỏ kết quả kinh doanh và nợ quá hạn của ngành hàng nhựa đường. Kinh tế Việt Nam trong năm 2013, theo đánh giá của nhiều chuyên gia, vẫn sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của vấn đề nợ xấu, bất động sản đóng băng và nhiều doanh nghiệp bên bờ vực phá sản. Tăng trưởng GDP được dự báo ở mức trên 5%.



Lạm phát và giá cả: Chính phủ Việt Nam đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm kiềm chế lạm phát trong năm 2012. Những giải pháp quyết liệt trong chính sách tài khóa và tiền tệ, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng cả năm chỉ ở mức 6,81% thấp hơn mức tăng của các năm 2010 và 2011 (nguồn: Tổng cục Thống kê). Lạm phát giảm làm cơ sở để chính phủ hạ trần lãi suất huy động xuống 8% vào cuối năm 2012. Năm 2013, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng trong nước dự báo khoảng 7-8% và điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tỷ giá: PLC là Công ty sản xuất, nguồn nguyên liệu đều phải nhập khẩu, trong khi xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu bán hàng của PLC. Do vậy biến về tỷ giá giữa nội tệ với ngoại tệ (mà chủ yếu là USD) sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8.2. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về biến động giá dầu mỏ: Các sản phẩm kinh doanh của PLC đều là các chế phẩm từ dầu mỏ, là nguồn nguyên liệu đang dần cạn kiệt và bị điều tiết về giá cả và sản lượng bởi tổ chức OPEC. Các chế phẩm dầu mỏ mà PLC kinh doanh là dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất... đều chưa sản xuất được trong nước, nhưng không phải là hàng hóa bảo hộ của nhà nước, do vậy, khi có biến động về giá và nguồn cung ở nước ngoài sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, nhưng đầu ra lại không thể thay đổi giá nhanh như đầu vào do bị sức ép của khách hàng, đối thủ cạnh tranh.

Rủi ro về cạnh tranh: Các sản phẩm kinh doanh của PLC hầu hết là nguyên, phụ liệu đầu vào của các ngành công nghiệp khác, ít sản phẩm là hàng tiêu dùng cá nhân, do vậy khách hàng chủ yếu là các hộ công nghiệp. Chính vì vậy, áp lực cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm là rất lớn. Việc cạnh tranh này có thể dẫn đến rủi ro về giá bán, làm doanh nghiệp không bù đắp được chi phí, thậm chí là thua lỗ.

8.3. Rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng như hỏa hoạn, động đất, chiến tranh... cũng có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của ngành hàng cũng như của Công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ kinh doanh hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ) đến Công ty.

II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả kinh doanh hợp nhất

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2011	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	THỰC HIỆN 2012 SO VỚI	
					TH 2011	KH 2012
Sản lượng	Tấn; m3	267,954	278,595	267,333	99.77%	95.96%
Doanh thu thuần	Triệu đ	6,067,389	6,891,404	6,063,203	99.93%	87.98%
Doanh thu dầu nhờn	Triệu đ	2,456,566	2,881,800	2,158,390	87.86%	74.90%
Doanh thu nhựa đường	Triệu đ	2,056,498	2,292,950	2,256,312	109.72%	98.40%
Doanh thu hóa chất	Triệu đ	1,554,325	1,716,600	1,648,502	106.06%	96.03%
Tổng LN trước thuế	Triệu đ	303,739	352,043	226,735	74.65%	64.41%
Tổng LN sau thuế	Triệu đ	226,110	264,032	168,825	74.66%	63.94%
Tỷ suất LNST/VCSH	%	27.03%	25.43%	17.88%	66.14%	70.30%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	53.87%	52.60%	30.57%	56.75%	58.12%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	20.00%	15.00%	15.00%	100.00%	100.00%
Nộp ngân sách	Triệu đ	689,053		696,387	101.06%	

Là Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hóa dầu, nguồn nguyên vật liệu đầu vào phụ thuộc gần như 100% vào nhập khẩu, đã khiến PLC gặp rất nhiều khó khăn. Khó khăn từ nguồn nhập khẩu hạn chế do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới đến khó khăn về nguồn cung ngoại tệ. Thêm vào đó, hệ thống khách hàng của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, vận tải, xây dựng hạ tầng giao thông đều gặp khó khăn, phải thu hẹp kinh doanh hoặc ngừng trệ sản xuất đã làm sản lượng xuất bán nội địa không đạt được so với cùng kỳ, mặc dù không thay đổi về thị phần. Ảnh hưởng của chính sách thắt chặt chi tiêu công của Nhà nước đã làm số lượng các dự án, công trình giao thông được triển khai trong năm giảm đáng kể, đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tổng nhu cầu tiêu thụ nhựa đường cả nước và sản lượng xuất bán nhựa đường của Công ty. Chính những khó khăn cả ở đầu vào cũng như đầu ra đã khiến lãi gộp và lợi nhuận của Công ty không đạt so với kế hoạch đề ra, cũng như so với năm 2011.

1.2. Ngành hàng dầu mỡ nhờn

Năm 2012, là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ dầu mỡ nhờn nội địa, tổng sản lượng tiêu thụ nội địa giảm so với năm 2011. Nhóm dầu nhờn thông dụng sử dụng cho các phương tiện vận tải giảm nhiều nhất do khó khăn kinh tế, công nghiệp vận tải giảm sút mạnh. Đây cũng là nguyên nhân làm sản lượng dầu pha chế thuê thấp hơn so với cùng kỳ. Nhóm khách hàng công nghiệp sử dụng trực tiếp dầu nhờn của Công ty, cũng gặp phải những khó khăn chung của nền kinh tế, nên nhu cầu sử dụng dầu mỡ nhờn cũng sụt giảm nhiều so với cùng kỳ. Riêng sản lượng dầu mỡ nhờn hàng hải của Công ty có sự tăng trưởng, do Công ty đã cấp hàng thành công cho một số tàu biển mới đưa vào sử dụng trong năm. Ngược lại, sản lượng xuất khẩu dầu mỡ nhờn hàng hải sang các đối tác truyền thống trong khu vực giảm mạnh so với cùng kỳ do vận tải biển thế giới giảm mạnh.

Để cạnh tranh và giữ được khách hàng truyền thống, hướng tới mục tiêu kinh doanh ổn định,

Công ty đã chia sẻ khó khăn với khách hàng, hạn chế biến động giá, tích cực tiết giảm chi phí. Tốc độ tiết giảm chi phí cao hơn tốc độ giảm lãi gộp. Do vậy tuy lợi nhuận không đạt kế hoạch, nhưng tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận cao hơn tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu về lãi gộp.

1.3. Ngành hàng nhựa đường

Năm 2012, ngành hàng nhựa đường vẫn giữ vững được thị phần và vị trí dẫn đầu thị trường Việt Nam về sản lượng. Do ảnh hưởng chính sách thắt chặt chi tiêu công của Nhà nước nên các công trình giao thông được triển khai trong năm không nhiều, tổng nhu cầu nhựa đường Việt Nam giảm, làm sản lượng xuất bán của Công ty cũng bị sụt giảm theo.

Sản lượng xuất bán giảm là một nguyên nhân khiến ngành hàng nhựa đường đã không đạt được mục tiêu lợi nhuận đề ra. Ngoài ra, còn có nhiều nguyên nhân khác. Tình hình khó khăn về nguồn vốn giải ngân cho công trình giao thông đã đẩy mức độ cạnh tranh của mặt hàng nhựa đường lên một mức độ mới. Các doanh nghiệp kinh doanh nhựa đường, để bán được hàng, không chỉ cạnh tranh về giá bán mà còn cạnh tranh quyết liệt về ưu đãi tín dụng, đã khiến cho mặt bằng lãi gộp chung toàn ngành giảm xuống. Mặc dù đã đề cao chỉ tiêu an toàn tín dụng, nhưng những khó khăn trong rải ngân của nhà nước đối với các công trình giao thông đã làm tăng công nợ quá hạn của Công ty mặc dù đây chưa phải là nợ xấu.

1.4. Ngành hàng hóa chất

Năm 2012, sản lượng tiêu thụ hóa chất toàn Công ty tăng 12,7% so với năm 2011. Nhưng do khó khăn chung của nền kinh tế và cạnh tranh của nhiều công ty kinh doanh hóa chất nên tốc độ tăng doanh thu lại thấp hơn tốc độ tăng sản lượng và tỷ lệ lãi gộp ngành hàng giảm.

Trong lĩnh vực hóa chất, công tác quản lý và thu hồi công nợ tiếp tục được Công ty quan tâm và thực hiện nghiêm túc, nên đã đạt được kết quả đáng ghi nhận. Số ngày dư nợ bình quân không tăng so với cùng kỳ, cùng với đó là việc duy trì và giám sát công nợ chặt chẽ không để phát sinh các khoản nợ xấu, nợ khó đòi. Tổng doanh số của ngành hàng hóa chất (bao gồm cả VAT) là 1.813 tỷ đồng; Tổng số tiền bán hàng đã thu trong năm là 1.990 tỷ đồng.

2. Đánh giá tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012
Tổng giá trị tài sản	Triệu đ	2,270,687	2,857,748	2,492,740
Doanh thu thuần	Triệu đ	5,151,483	6,067,389	6,063,203
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đ	301,081	287,197	219,646
lợi nhuận khác	Triệu đ	8,127	16,543	7,089
lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	309,208	303,739	226,735
lợi nhuận sau thuế	Triệu đ	269,358	226,110	168,825
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	15 %	15 %	15 %

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 đạt 2.492 tỷ đồng. So với năm 2011, tổng tài sản giảm 365 tỷ đồng, trong đó tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2012 là 406 tỷ đồng, tăng 9,3%, tài sản ngắn hạn là 2.086 tỷ, giảm 16% so với cùng kỳ. Giảm tổng tài sản chủ yếu do:

- Giảm hàng tồn kho cuối kỳ của các công ty, trong đó giảm nhiều nhất là của Công ty mẹ.
- Giảm phải thu khách hàng đầu nòng và hóa chất.

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2012 đạt 988 tỷ đồng, tăng 88 tỷ đồng, tương ứng tăng 9,78% so với năm 2011, trong đó chủ yếu do nguồn lợi nhuận thực hiện năm 2012 chưa phân phối.

Những khó khăn của nền kinh tế đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chỉ số tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều sụt giảm so với năm 2011. ROA của năm 2012 là 6,77% so với 7,91% của năm 2011. Chỉ số ROE cũng giảm xuống 17,08% so với 25,12% của năm 2011

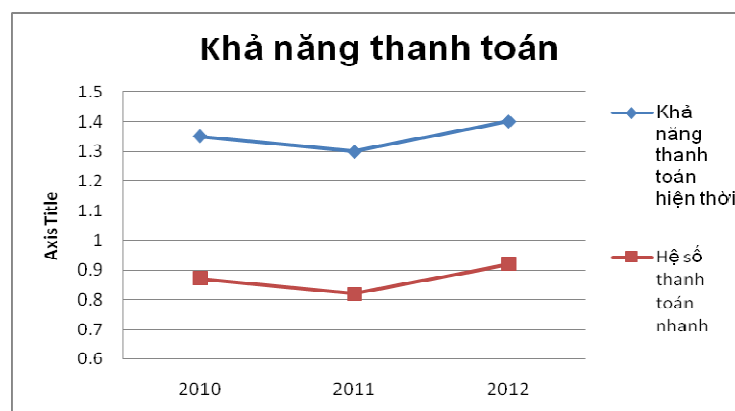
2.2. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2012 là 1.504 tỷ đồng, giảm 23,2% so với cùng kỳ. Trong đó nợ ngắn hạn giảm 420 tỷ, chủ yếu là giảm vay nợ ngân hàng 244 tỷ và các khoản phải trả người bán 110 tỷ. Chính vì vậy đã cải thiện được hệ số vay nợ ngân hàng trên vốn chủ sở hữu và hệ số phải trả trên vốn chủ sở hữu. So với các ngành kinh doanh thương mại, hệ số này là ở mức an toàn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	2010	2011	2012
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.67	0.69	0.60
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.07	2.17	1.52
Hệ số Nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	1.40	1.46	1.08

Chi phí lãi vay của Công ty không giảm mặc dù chi phí tài chính năm 2012 đã giảm 118 tỷ so với 2011. Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách hạn chế vay ngoại tệ của nhà nước đã ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty. Cả 3 ngành hàng của Công ty đều chủ yếu là kinh doanh nhập khẩu, do vậy khi chuyển từ các khoản vay ngoại tệ sang vay nội tệ với chênh lệch lãi suất vay rất lớn đã làm gia tăng chi phí lãi vay của Công ty.

2.3. Khả năng thanh toán



Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 cho thấy Công ty luôn duy trì được khả năng thanh toán ở mức an toàn. Các hệ số thanh toán của Công ty trong năm 2012 đều được cải thiện hơn khá nhiều so với 2 năm trước.

2.4. Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	2010	2011	2012
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.05	0.04	0.03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.36	0.25	0.17
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.12	0.08	0.07
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.06	0.05	0.04

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty giảm đều qua các năm, do nhiều lý do:

- Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản của PLC tăng đều qua các năm. Các năm vừa qua, do nhu cầu tăng vốn để mở rộng sản xuất, Công ty đã chia cổ tức, thưởng bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ qua các năm từ 20-50% và nhanh hơn tốc độ tăng của lợi nhuận.
- Do biến động và tốc độ tăng giá dầu thế giới từ 2009 đều cao, do vậy cơ cấu giá vốn hàng bán tăng cao trong cơ cấu doanh thu thuần đã làm tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu giảm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý - điều hành

- Công ty đang thực hiện đề án Tái cấu trúc Công ty thành Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP. Công ty đã làm xong các thủ tục chuyển đổi công ty mẹ thành Tổng công ty. Hiện nay, Công ty đang xúc tiến các nhiệm vụ tiếp theo trong đề án là nâng cấp các Chi nhánh thành Công ty ở các khu vực và tăng vốn theo lộ trình đã đề ra để đạt được vốn điều lệ 1000 tỷ đồng vào năm 2015.
- Ban hành lại các Quy trình quản trị đáp ứng kịp thời, minh bạch các thông tin cho Ban quản lý, điều hành và công bố thông tin đại chúng.
- Nghiên cứu, áp dụng phần mềm quản trị hệ thống thông tin mới đáp ứng các yêu cầu quản trị mới trong giai đoạn hiện nay.
- Tăng cường cung cấp thông tin nhanh, chính xác cho các cấp điều hành, làm cơ sở cho việc phối hợp, điều hành tài chính ngày càng hiệu quả hơn giữa các Công ty.

3.2. Các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát từ việc lập kế hoạch đến triển khai thực hiện tất cả các khoản mục chi phí và định mức kinh tế kỹ thuật để thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành từ khâu nhập khẩu, sản xuất, vận tải, bán hàng;
- Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban nhằm kiểm soát tốt tất cả các diễn biến của thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể.
- Tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực chuyên ngành, không đầu tư vào các ngành nghề không phải là thế mạnh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển

4.1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2013

Ban điều hành Công ty nhận định, tình hình năm 2013 chưa có nhiều dấu hiệu khả quan so với năm 2012 và xác định mục tiêu lớn nhất của Công ty trong năm nay vẫn phải giữ được kết quả kinh doanh như năm 2012. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty đã trình Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch lợi nhuận năm 2013 tương đương năm 2012.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2012	KẾ HOẠCH NĂM 2013	KH 2013/ TH 2012
1	Sản lượng	Tấn; m3	267,333	264,730	99%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6,063,203	6,166,311	102%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	226,735	236,375	104%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	168,825	177,281	105%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	17.88%	16.88%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	30.57%	28.30%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15.00%	15.00%	100%

Các chính sách điều hành cơ bản để có thể giữ được mục tiêu lợi nhuận sẽ luôn được Ban điều hành tuân thủ nghiêm túc. Đó là đẩy mạnh bán hàng nội địa, giảm tồn kho, tiết giảm chi phí và đánh giá nghiêm túc hiệu quả của các dự án đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm đảm bảo dòng tiền lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật năm 2013

4.2. Kế hoạch đầu tư năm 2013

Đơn vị : triệu đồng

STT	CÁC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	TỔNG KHAI TOÁN GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH KHAI TOÁN NĂM 2013	KH KHAI TOÁN NĂM 2013/ TỔNG KHAI TOÁN ĐT
	TỔNG CỘNG	569.072	262.553	46,14 %
	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	492.346	200.577	40,74 %
1	Công ty CP Hóa dầu Petrolimex - Công ty mẹ	228.172	100.896	44,22 %
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	75.263	60.384	80,23 %
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	188.911	39.297	20,80 %
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	49.726	34.976	70,34 %
1	Công ty CP Hóa dầu Petrolimex - Công ty mẹ	33.621	20.621	61,33 %
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	14.465	12.715	87,90 %
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	1.640	1.640	100,00 %
C	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	27.000	27.000	100,00 %

Năm 2013, các Công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung ĐTXD các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng SXKD chính và góp vốn bổ sung vào 01 công ty liên kết; với một số Dự án, công trình ĐTXD lớn, trọng điểm sau:

Công ty PLC - Công ty mẹ:

- Công trình “Cải tạo mở rộng NMDN Thượng Lý”: tiếp tục hoàn thành nốt các hạng mục của giai đoạn 1 với Kế hoạch khai toán ĐT mới năm 2013 khoảng 24.433 triệu đ. Đồng thời để tăng công suất, sức chứa của NMDN Thượng Lý, PLC đang xây dựng, phê duyệt, thực hiện Dự án ĐTXD giai đoạn 2 và Dự án ĐTXD công trình trên khu đất 6.000 m² mới tiếp nhận từ Công ty XD Khu vực III...
- PLC sẽ phê duyệt điều chỉnh Dự án ĐTXD “Cải tạo mở rộng NMDN Nhà Bè - Giai đoạn 1” và đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Kế hoạch khai toán ĐT mới năm 2013 của Dự án này khoảng 40.718 triệu đ...

- Để nhập khẩu dầu gốc bằng tàu tải trọng lớn, tránh phải sang mạn...; Công ty PLC hợp tác với Công ty Xăng dầu B12 để ĐTXD “Kho dầu gốc cảng B12 - Quảng Ninh” trên cơ sở khai thác một số bể chứa hiện có, ĐT cải tạo nâng cấp hệ thống công nghệ... Kế hoạch khái toán ĐT mới năm 2013 của Dự án khoảng 14.000 triệu đ...

Công ty Nhựa đường:

- Dự án ĐTXD mới “Kho Nhựa đường Thọ Quang” - giai đoạn 1 được phê duyệt điều chỉnh cuối năm 2012. Năm 2013, Công ty Nhựa đường sẽ nỗ lực triển khai ĐT để hoàn thành cơ bản các hạng mục và dự kiến quý I/2014 đưa giai đoạn 1 của Dự án vào khai thác. Kế hoạch khái toán ĐT mới năm 2013 của Dự án này khoảng 47.329 triệu đ...

Công ty Hóa chất:

- Công trình “Kho Hóa chất Nhà Bè”: Năm 2013, bên cạnh việc triển khai ĐT một số hạng mục chuyển tiếp từ các năm trước sang với Kế hoạch khái toán ĐT khoảng 10.750 triệu đ; Công ty Hóa chất sẽ tập trung quy hoạch, lập, trình duyệt Dự án phát triển mở rộng “Kho Hóa chất Nhà Bè” tại Khu bồn Hóa chất cũ và triển khai thiết kế, thi công một số hạng mục thuộc Dự án mở rộng này với Kế hoạch khái toán ĐT năm 2013 khoảng 15.700 triệu đ...

Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

- Năm 2013, Công ty CP vận tải Hóa dầu VP - công ty liên kết mà Công ty PLC là cổ đông lớn, có tỷ lệ vốn góp 39,64 % - sẽ phát hành thêm cổ phiếu, tăng Vốn điều lệ để đảm bảo vốn đối ứng thực hiện Dự án đóng 02 tàu chở nhựa đường đặc nóng. Giá trị cổ phiếu Công ty VP phát hành thêm, Công ty PLC mua năm 2013 khoảng 27.000 triệu đ...

4.3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2013

- Hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020;
- Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong lộ trình của đề án Tái cấu trúc Công ty thành Tổng công ty.
- Tiếp tục khảo sát và hoàn thiện hệ thống định mức hao hụt mới, tăng cường công tác quản lý hao hụt để tiết kiệm chi phí hao hụt hàng hóa;
- Lựa chọn, ứng dụng thống nhất phần mềm quản trị hệ thống thông tin mới trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Tăng cường thu hồi công nợ, xử lý nợ khó đòi. Tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Tiết giảm chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Tăng cường hỗ trợ lẫn nhau giữa các Công ty trong điều hành tài chính.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam.
- Tăng cường hội nhập quốc tế, đầu tư và kinh doanh ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Những thành tựu đạt được

- Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex, mã chứng khoán PLC là một trong 30 Doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên được chọn vào ASEAN Stars.
- Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex, mã chứng khoán PLC trở thành Thành viên trong rổ chỉ số HNX 30 đầu tiên trong năm 2012.
- Sản phẩm Dầu nhờn Racer PLC- Petrolimex của Công ty được bình chọn vào Top 50 sản phẩm vàng do Trung ương Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam kết hợp với Viện Sở hữu trí tuệ tổ chức.
- Công ty PLC tiếp tục được bình chọn và xếp vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2012, với vị trí thứ 125/500.

2. Tình hình đầu tư , thực hiện các dự án

Năm 2012, các Công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các Công ty nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh trên thị trường; không đầu tư ra ngoài ngành hàng chính. Mặc dù Tổng giá trị đầu tư năm 2012 hoàn thành ở mức khá (144.038 triệu đồng) nhưng cũng mới đạt 39,91 % Tổng khái toán đầu tư đã được duyệt trong năm kế hoạch; các hạng mục sửa chữa lớn đạt 91,68 % nhưng các hạng mục đầu tư mới chỉ bằng 34,75 %.

Đơn vị : triệu đồng

TT	CÁC CÔNG TRÌNH - HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	TH/KH NĂM 2012
	TỔNG CỘNG (A+B)	360.953	144.038	39,91 %
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	328.280	114.082	34,75 %
1	Công ty CP Hóa dầu Petrolimex - Công ty mẹ	125.608	36.388	28,97 %
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	91.501	70.099	76,61 %
2.1	<i>Các hạng mục đầu tư mới, phê duyệt từ đầu năm</i>	57.901	36.499	63,04 %
2.2	<i>Hạng mục đầu tư mới, phê duyệt bổ sung</i>	33.600	33.600	100,00 %
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	111.171	7.595	6,83 %
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	32.673	29.956	91,68 %
1	Công ty CP Hóa dầu Petrolimex - Công ty mẹ	21.974	24.717	112,48 %
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	10.111	5.200	51,43 %
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	588	39	6,63 %

Kết quả đầu tư hạn chế do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do các Công ty gặp khó khăn khách quan trong quá trình triển khai một số dự án lớn. Ngoài ra, đối với 2 Công ty con do có khó khăn về nguồn vốn nên đã chủ động giảm, giãn tiến độ đầu tư một số công trình, hạng mục chưa thật sự cấp bách:

2.1. Công ty mẹ:

Tổng giá trị đầu tư hoàn thành đạt gần 61.105 triệu đồng, bằng 41,40 % Tổng khái toán đầu tư đã được duyệt. Trong đó, Tổng giá trị đầu tư mới hoàn thành đạt 36.388 triệu đồng, bằng 28,97 % so với Tổng giá trị đầu tư mới được duyệt :

- Công trình “Cải tạo mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý” : Do vừa phải đảm bảo chất lượng thi công, vừa phải đảm bảo an toàn PCCC và duy trì sản xuất kinh doanh bình thường của Nhà máy nên Giá trị đầu tư hoàn thành năm 2012 của các hạng mục còn lại thuộc Giai đoạn 1 chỉ đạt 8.535 triệu đồng (Kế hoạch là 23.299 triệu đồng), bằng 36,63% so với Kế hoạch khái toán đầu tư năm 2012 được phê duyệt. Đồng thời, để tăng công suất, sức chứa của Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý, PLC tiếp tục xây dựng, phê duyệt, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Giai đoạn 2 và Dự án đầu tư xây dựng trên khu đất 6.000 m² mới tiếp nhận từ Công ty Xăng dầu Khu vực III...
- Công trình “Cải tạo mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè - Giai đoạn 1” : Do điều kiện vừa phải đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công, vừa phải đảm bảo an toàn PCCC và duy trì sản xuất kinh doanh bình thường của Nhà máy nên Giá trị đầu tư mới hoàn thành trong năm 2012 chỉ đạt 6.020 triệu đồng (kế hoạch là 31.180 triệu đồng), bằng 19,31% Kế hoạch khái toán đầu tư năm 2012 được phê duyệt;
- Dự án đầu tư xây dựng công trình “Kho Hóa dầu Petrolimex Đình Vũ” với Tổng khái toán đầu tư 68.000 triệu đồng, Kế hoạch khái toán đầu tư năm 2012 là 17.050 triệu đồng nhưng không thực hiện được do thay đổi vị trí đầu tư, tiếp tục phải đàm phán các nội dung Hợp đồng thuê đất và các chi phí tiện ích, dịch vụ với Khu Công nghiệp Đình Vũ...

2.2. Công ty Nhựa đường:

Tổng giá trị đầu tư mới hoàn thành cao nhất trong các Công ty thuộc PLC, đạt 70.099 triệu đồng (bao gồm toàn bộ giá trị thực hiện đầu tư Dự án mua “Kho nhựa đường Cửa Lò”), bằng 76,61 % Tổng kế hoạch khái toán đầu tư mới được duyệt:

- Công trình đầu tư xây dựng mới “Kho Nhựa đường Thọ Quang - Đà Nẵng” : Do điều kiện địa chất, thủy văn phức tạp của khu vực dự án nên tiến độ thi công một số hạng mục hạ tầng chung như san lấp mặt bằng, xây kè, cầu dẫn và cầu cảng...của Kho Thọ Quang bị chậm nên Công ty Nhựa đường đã chủ động giãn tiến độ thực hiện đầu tư các hạng mục còn lại. Trong năm 2012, Công ty Nhựa đường đã tập trung hoàn thành xong công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện thi công Gói thầu số 1 và số 2, góp vốn thực hiện hạng mục “San lấp TMB và xây kè”. Tổng Giá trị đầu tư hoàn thành đạt 25.672 triệu đ so với 38.801 triệu đồng, bằng 66,16 % Kế hoạch khái toán đầu tư được duyệt trong năm;
- Trước cơ hội Tập đoàn Shell thoái vốn khỏi lĩnh vực sản xuất kinh doanh ngành hàng nhựa đường tại Việt Nam, Công ty Nhựa đường đã nghiên cứu, lập, trình đề HĐQT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình “Kho nhựa đường Cửa Lò” chuyển nhượng từ Công ty Shell Việt Nam với Tổng giá trị đầu tư lớn, được thực hiện xong cuối năm 2012. Thương vụ đầu tư này đã giúp Công ty Nhựa đường đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chiến lược đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật giai đoạn 2015 - 2020, góp phần đưa Công ty Nhựa đường chiếm lĩnh vị thế hàng đầu trong ngành hàng sản xuất kinh doanh nhựa đường tại Việt Nam...

2.3. Công ty Hóa chất

Tổng giá trị đầu tư mới hoàn thành năm 2012 của đạt 7.595 triệu đồng, bằng 6,83% Tổng kế hoạch khái toán đầu tư mới được duyệt :

- Dự án đầu tư xây dựng “Kho Hóa chất Petrolimex Đình Vũ - Hải Phòng” có Kế hoạch khái toán đầu tư trong năm 2012 khoảng 82.500 triệu đồng (chiếm tới 74,2 % Tổng Kế hoạch khái toán đầu tư mới năm 2012 của Công ty Hóa chất là 111.171 triệu đồng). Tuy

nhiên, dự án này chưa triển khai được do thay đổi vị trí đầu tư, tiếp tục phải đàm phán các nội dung Hợp đồng thuê đất và các chi phí tiện ích, dịch vụ với Khu Công nghiệp Đình Vũ. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả đầu tư năm 2012 của Công ty Hóa chất đạt thấp;

- Hạng mục “Kho tạm để trung chuyển Hóa chất phuy” : Công ty Hóa chất đã hoàn thành việc thuê đất, các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng, khởi công hạng mục này từ tháng 10/2012 và giá trị đầu tư hoàn thành trong 2012 là 1.900 triệu đồng, bằng 27,14 % Kế hoạch khái toán được duyệt. Tuy nhiên trong năm 2012, Công ty Hóa chất đã thay đổi phương thức, không đầu tư mới 100% mà chủ yếu là cải tạo cơ sở vật chất hiện có cùng đối tác. Kế hoạch giá trị đầu tư điều chỉnh, bổ sung giảm tương ứng xuống còn 2.700 triệu đồng;

Công ty Hóa chất đã chủ động giãn tiến độ, chưa đầu tư theo chủ trương của Chính phủ, của ngành đối với một số các hạng mục đã phê duyệt trong năm 2012 nhưng chưa có yêu cầu cấp bách như : Đổ bê tông đường bãi; đầu tư 02 xe bồn dung tích 16 m³ chở hóa chất, đầu tư Hệ thống đóng phuy mới tại Kho Hóa chất Nhà Bè; đầu tư 01 xe bồn dung tích 16 m³ chở hóa chất và 01 xe tải 20 tấn chở phuy tại Kho Hóa chất Thượng Lý....

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Danh sách Ban Điều hành



Ông Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc
Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế.

Sinh năm 1960.

Có hơn 29 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý kỹ thuật xăng dầu và quản lý doanh nghiệp. Các đơn vị đã từng làm quản lý là Xí nghiệp sản xuất và tái sinh Dầu mỡ nhờn, Tổng kho xăng dầu Đức Giang (Công ty Xăng dầu Khu vực I) và Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,1879%



Ông Lê Quang Tuấn
Phó Tổng Giám đốc Công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,
Cử nhân Ngoại ngữ.

Sinh năm 1974

Có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex, trong công tác dịch vụ kỹ thuật và quản lý kinh doanh, xuất nhập khẩu, hậu cần sản xuất.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0084%



Ông Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng Công ty

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Tài chính Kế toán.

Sinh năm 1965.

Có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán, trong đó hơn 21 năm làm việc trong ngành xăng dầu.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0625%

3.2. Những thay đổi trong Ban điều hành :

Trong năm 2012, trong Ban điều hành của PLC và các Công ty con không có sự thay đổi về nhân sự chủ chốt.

3.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Số lượng lao động có mặt đến ngày 31/12/2012 là 688 người. Công ty chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp ;
- Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết , ổn định, gắn bó lâu dài với Công ty;
- Năm 2012, Công ty đảm an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn lao động.
- Mục tiêu trả lương cho người lao động theo thị trường, lấy tiền lương làm động lực cơ bản khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả, tiết kiệm chi phí, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách cho người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Thu nhập bình quân năm 2012 là trên 10.700.0000 đ/người/tháng;

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1. Cổ phần

Mã chứng khoán: PLC

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu lưu hành: 60.239.378 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 60.239.378 cổ phần

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 là 16.412 đồng/cổ phần.

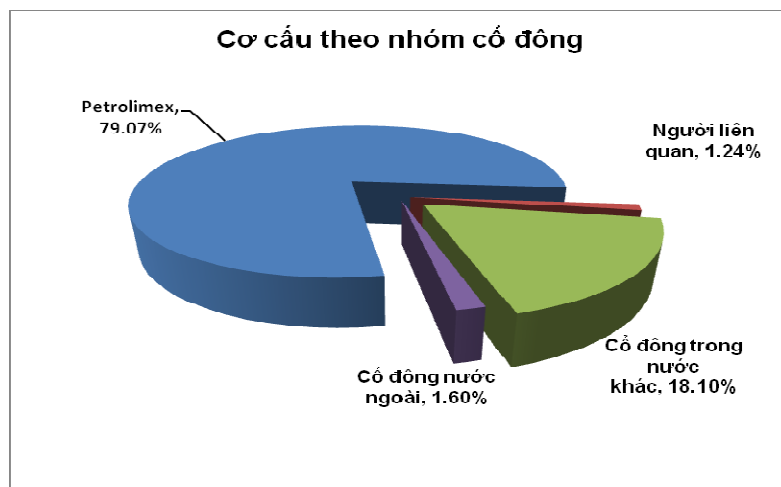
Lãi trên cổ phiếu năm 2012 là 2.803 đồng/cổ phần.

Số cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2011 là 60.239.378 cổ phiếu. Trong đó :

- Cổ phiếu phổ thông là 60.238.105 cổ phiếu.

- Cổ phiếu quỹ là 1.273 cổ phiếu.
- Cổ phiếu ưu đãi : 0

4.2. Cơ cấu cổ đông chốt ngày 25/03/2013



STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp/ VDL	Tổng giá trị theo mệnh giá (VNĐ)
	Tổng số	60,239,378	100.00%	602,393,780,000
1	Nhà nước (Petrolimex)	47,630,212	79.07%	476,302,120,000
2	Các Cổ đông khác:	12,609,166	20.93%	126,091,660,000
2.1	Cổ đông khác trong nước:	11,645,350	19.33%	116,453,500,000
a	Tổ chức	680,515	1.13%	6,805,150,000
b	Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ, Kế toán trưởng Công ty và người có liên quan	744,881	1.24%	7,448,810,000
c	Cá nhân khác	10,219,954	16.97%	102,199,540,000
2.2	Cổ đông nước ngoài:	963,816	1.60%	9,638,160,000
a	Tổ chức	834,512	1.39%	8,345,120,000
b	Cá nhân	129,304	0.21%	1,293,040,000

Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Tổng giá trị theo mệnh giá (VNĐ)
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam – Số 1 Khâm Thiên – Đống Đa – Hà Nội	47,630,212	79.07%	476,302,120,000
2	Đỗ Thị Hanh - Đường số 8, Khu phố 2, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TPHCM	812,000	1.35%	8,120,000,000

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm qua, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ các đợt sau :

- Phát hành 10.039.015 cổ phiếu, thưởng năm 2012 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ Công ty PLC theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 19/04/2012. Ngày 30/07/2012, toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm kể trên đã chính

thức được giao dịch tại Sở GDCK Hà Nội. Nâng tổng số cổ phần của Công ty từ 50.200.363 cổ phần lên thành 60.239.378 cổ phần như hiện nay.

Mục tiêu phát hành cổ phiếu để thưởng cho Cổ đông hiện hữu trong năm 2012 của Công ty nhằm đảm bảo ổn định dòng tiền kinh doanh cho Công ty. Nguồn vốn này dùng để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đang tăng trưởng mạnh về quy mô và hiệu quả, làm tăng giá trị cổ phiếu của PLC.

4.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ* : Không có

4.5. *Các chứng khoán khác*: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chưa thật sự ổn định, kết quả kiểm chế lạm phát chưa vững chắc dẫn đến những khó khăn chung của toàn nền kinh tế. Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng đó.

Với chiến lược phát triển bền vững, đồng đều, PLC đã và đang khẳng định được vị thế hàng đầu trên thị trường Việt Nam trên cả ba lĩnh vực dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất. Năm 2012 thị trường dầu mỏ thế giới có nhiều biến động, giá nguyên liệu không ổn định, cùng với đó là chính sách thắt chặt tiền tệ của Nhà nước, hạn chế đầu tư công... là một năm rất khó khăn trong việc tổ chức kinh doanh các sản phẩm hóa dầu. Nhưng trong điều kiện khó khăn chung đó, PLC vẫn có những ưu thế đặc thù so với các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường. Đó là kinh nghiệm kinh doanh trên thị trường Việt Nam, hệ thống bán hàng truyền thống và sự hợp tác chặt chẽ của các thành viên Petrolimex. Tổng kết năm 2012, toàn Công ty đạt 6.063 tỷ doanh thu và 219 tỷ lợi nhuận trước thuế, bằng 100% và 75% so với cùng kỳ.

Trong ba mảng hoạt động chính, sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn vẫn là ngành hàng chủ lực của Công ty, đóng góp chính về lợi nhuận cho Công ty và cũng là ngành hàng hoạt động tốt nhất của PLC trong những năm vừa qua. Ngành hàng nhựa đường gặp rất nhiều khó khăn do thắt chặt chi tiêu công, ngân sách cấp cho xây dựng công trình giao thông rất hạn chế, nhưng vẫn giữ vững được thị phần ổn định và là người dẫn đầu thị phần nhựa đường ở Việt Nam. Ngành hàng hóa chất cũng ghi nhận những kết quả ổn định, có dấu hiệu tăng trưởng trong năm qua.

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2012 đã thể hiện trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị trong công tác quản lý, từ đó đưa ra những nhận định kế hoạch kinh doanh kịp thời, sát với thực tế, đồng thời tổ chức chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao một cách khoa học, nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty cũng như các cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các phương pháp mà Hội đồng quản trị đưa ra để ổn định sản xuất, kinh doanh, vượt qua những khó khăn chung, đó là:

- Tập trung điều hành Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;

- Tập trung mọi nguồn lực vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong 18 năm xây dựng và trưởng thành, Ban điều hành Công ty là những người được chọn lựa từ gần 700 người lao động của Công ty, làm việc mẫn cán, quyết liệt và cẩn trọng. Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra.

Trong năm 2012, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã quyết liệt tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các kho, nhà máy cũng như trong các phương án đầu tư, như dự án đầu tư Kho nhựa đường Cửa Lò, mở rộng nhà máy sản xuất dầu nhờn Nhà Bè, Thượng Lý... Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, hạn chế hao hụt, sai lỗi trong sản xuất đã được chú trọng thông qua việc cải tiến, đổi mới quy trình quản lý sản xuất đã được Ban điều hành trọng tâm thực hiện cũng đã đem lại hiệu quả rõ nét trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất.

Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực làm việc, nhiệt huyết và đã có những quyết định linh hoạt, kịp thời để giữ vững hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi cho Công ty, đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo đời sống cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2013, căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT đã ra nghị quyết thông qua mục tiêu kế hoạch là giữ vững hiệu quả kinh doanh để trình ĐHCĐ phê duyệt. Kèm với nó là các biện pháp thực hiện nhiệm vụ, trong đó, chủ yếu tập trung vào các vấn đề lớn sau:

Vấn đề thứ nhất - Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, trên các mặt:

- Giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho.
- Đầu tư trọng điểm, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng.

Vấn đề thứ hai - Tiết kiệm chi phí, trọng tâm vào:

- Tiết giảm một số khoản mục chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Tăng cường hỗ trợ lẫn nhau giữa các Công ty trong điều hành tài chính.

Vấn đề thứ ba - Phát triển thị trường mới, trọng tâm vào:

- Tìm cơ hội kinh doanh ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Trong năm 2012, không có sự thay đổi nhân sự trong HĐQT. HĐQT gồm 5 thành viên không chuyên trách, trong đó có 2 thành viên không tham gia điều hành.

Đó là :



Ông Nguyễn Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT PLC - Không điều hành
UV HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
Sinh năm 1962
Thạc sỹ kinh tế ngoại thương,
Cử nhân kinh tế kế hoạch,
Cử nhân Kinh tế ngoại thương.
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,1231 %



Ông Nguyễn Văn Đức

UV HĐQT PLC
Tổng giám đốc
Sinh năm 1960
Thạc sỹ QTKD,
Kỹ sư Hóa dầu,
Cử nhân TCKT
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,1879%



Ông Vũ Văn Chiến

UV HĐQT PLC
Phó chủ tịch HĐQT Cty VP
UV HĐQT công ty 810.
Chủ tịch kiêm GD Cty TNHH Nhựa đường Petrolimex
Sinh năm 1961
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân TCKT
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,2858%



Ông Hà Thanh Tuấn

UV HĐQT
Chủ tịch kiêm GD Cty TNHH Hóa Chất Petrolimex
Sinh năm 1963
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân TCKT
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,1186%



Ông Nguyễn Văn Khánh

UV HĐQT - Không điều hành- Phụ trách lĩnh vực đầu tư.
Sinh năm 1960
Kỹ sư máy hóa
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0%

Năm 2012, thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình, ngoài 09 phiên họp được triệu tập, Chủ tịch HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 13 lần, để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Trong năm 2012, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua những công việc cụ thể sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng quý, năm 2012.
- Công tác tổ chức thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, trong đó trọng tâm là việc chỉ đạo triển khai công tác quy hoạch cán bộ các cấp và trực tiếp thực hiện công tác quy hoạch cán bộ diện HĐQT quản lý.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Công tác vay vốn ngắn hạn và dài hạn tại các Công ty.
- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên.
- Chuyển trụ sở Công ty sang địa chỉ mới tại tầng 18-19, tòa nhà 229 Tây Sơn, p Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, Hà Nội
- Giám sát việc thực hiện tái cấu trúc Công ty thành Tổng công ty theo đề án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đánh giá, phân tích môi trường kinh doanh, cơ hội, thách thức đối với Công ty để thống nhất mục tiêu kế hoạch năm 2013.

2. Ban kiểm soát



Bà Trần Thị Minh Hà
Trưởng BKS - chuyên trách
Sinh năm 1962
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính kế toán
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0332%



Bà Hà Thị Cúc
Thành viên BKS
Sinh năm 1959
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Kinh tế lao động
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0450%



Ông Tống Văn Hải
Thành viên BKS - chuyên trách
Sinh năm 1980
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0062%

Trong năm 2012 BKS không có thay đổi về nhân sự, gồm 03 thành viên trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm. Với lợi thế có thành viên chuyên trách và kinh nghiệm qua nhiều năm, BKS đã triển khai các hoạt động chủ động và hiệu quả hơn trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Một số hoạt động cụ thể của BKS trong năm 2012:

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2012.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến góp ý một cách độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của BKS.

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Thông qua các kiểm soát viên của 2 công ty con và kiểm toán độc lập, tiến hành soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của 3 công ty và Báo cáo hợp nhất.
- Thực hiện kiểm soát quy trình tại Chi nhánh Hóa Hải Phòng. Đặc biệt, trong năm 2012, BKS thông qua Kiểm soát viên đã tiến hành kiểm tra chuyên đề hao hụt tại các Kho nhựa đường thuộc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – là Công ty con của Công ty PLC; và tại hai Nhà máy dầu nhờn thuộc Công ty CP Hoá dầu Petrolimex. Sau khi thực hiện kiểm soát, BKS đã có biên bản thông báo tới HĐQT, Giám đốc các công ty. Đợt kiểm tra đã giúp cho công tác kiểm soát hao hụt tại các Công ty đạt được hiệu quả đáng ghi nhận.
- Tham gia giám sát và góp ý về việc xây dựng Kế hoạch SXKD và kế hoạch cân đối vốn năm 2012.
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy trình quản lý như: Điều lệ công ty, Quy chế tài chính...

Đánh giá chung về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012: BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao một cách khách quan, chủ động trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của pháp luật. Hoạt động của BKS đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả hoạt động của từng Công ty nói riêng và của toàn hệ thống PLC nói chung.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Công ty và Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty con được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tiền thưởng Ban quản lý điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy chế Tài chính Công ty và được ĐHĐCĐ thường niên 2011 phê duyệt;
- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Công ty.
- Căn cứ vào kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên 2011 ngày 19/04/2012 về thù lao HĐQT, BKS năm 2012 (thu nhập trước khi đóng thuế TNCN) và kế hoạch lao động tiền lương mà HĐQT giao cho các Công ty trực thuộc theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác của Ban quản lý, điều hành Công ty được trả như sau:

- Tổng tiền lương, tiền thưởng và thù lao của HĐQT Công ty: 3.222.548.160 đồng

Trong đó

Thù lao của HĐQT Công ty: 611.280.000 đồng

- Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát Công ty: 969.945.958 đồng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Minh Hà	TBKS	0	0%	20.000	0,0332%	Mua 10.000 CP T4/2012; thưởng CP 20% T6/2012; Mua 5000 CP T11/12 và mua 3000 CP T12/12
2	Vũ Văn Chiến	UV HĐQT	146.289	0,2328%	172.154	0,2858%	Mua 10.000CP T9/12 và mua 15.865 CP T10/12

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Năm 2012, Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị, hướng tới việc minh bạch hóa thông tin, rút ngắn thời gian xử lý công việc nhưng vẫn đảm bảo được những lợi thế chuyên biệt của từng ngành hàng. Cụ thể gồm những công việc sau:

- Hoàn thiện, bổ sung sửa đổi Quy chế tài chính, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế công bố thông tin; Quy trình quản trị thông tin;
- Tái cấu trúc Công ty thành Tổng công ty, theo hướng tạo quyền chủ động cho các Công ty thành viên, tận dụng hết được lợi thế thành viên, đồng thời phát huy được tính năng động, sáng tạo và đặc thù ngành hàng.
- Lựa chọn, ứng dụng hệ thống quản trị thông tin mới một cách tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn mới.

Các biện pháp nâng cao chất lượng quản trị ở trên là một trong những biện pháp để thực hiện các định hướng mục tiêu trung hạn của Công ty, mà một trong những mục tiêu quan trọng, xuyên suốt là nâng cao giá trị đầu tư của Quý cổ đông.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX

Tầng 18, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Ủy viên
Ông Vũ Văn Chiến	Ủy viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

2. Báo cáo kiểm toán độc lập

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 690 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán bằng căn đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 29. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0891/KTV

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX
Tầng 18, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2.086.354.895.533	2.486.058.162.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	483.361.381.430	483.112.732.285
1. Tiền	111		202.303.981.430	301.549.182.285
2. Các khoản tương đương tiền	112		281.057.400.000	181.563.550.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		846.950.580.626	1.062.230.409.386
1. Phải thu khách hàng	131	7	900.879.394.213	1.100.395.389.611
2. Trả trước cho người bán	132		41.702.040.067	43.925.632.084
3. Các khoản phải thu khác	135	8	4.764.067.248	8.406.204.992
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(100.394.920.902)	(90.496.817.301)
III. Hàng tồn kho	140	9	708.922.514.087	913.626.130.298
1. Hàng tồn kho	141		708.922.514.087	913.626.130.298
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.120.419.390	27.088.890.521
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.222.298.608	4.184.192.143
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.173.869.652	16.162.313.198
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.804.415.451	778.662.323
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	12.919.835.679	5.963.722.857
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		406.384.802.761	371.690.222.403
I. Tài sản cố định	220		301.465.273.933	328.116.670.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	225.576.867.981	195.733.409.593
- Nguyên giá	222		449.360.234.783	385.869.970.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(223.783.366.802)	(190.136.560.598)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	75.888.405.952	132.383.260.523
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.170.914.478	43.060.796.318
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	43.557.956.000	43.557.956.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(387.041.522)	(497.159.682)
III. Tài sản dài hạn khác	260		61.748.614.350	512.755.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	61.748.614.350	8.750.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	504.005.969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.492.739.698.294	2.857.748.384.893

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2012	(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.504.094.223.919	1.957.624.868.460
I. Nợ ngắn hạn	310		1.494.260.723.519	1.914.783.169.166
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.067.449.651.238	1.311.278.473.504
2. Phải trả người bán	312		346.326.208.345	455.924.652.817
3. Người mua trả tiền trước	313		14.883.855.551	16.118.042.319
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	25.023.711.476	79.737.645.892
5. Phải trả người lao động	315		25.531.420.693	22.524.895.302
6. Chi phí phải trả	316	17	7.601.419.209	15.657.500.042
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	10.909.605.663	16.404.862.851
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(3.465.148.656)	(2.862.903.561)
II. Nợ dài hạn	330		9.833.500.400	42.841.699.294
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	9.833.500.400	41.421.251.476
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.420.447.818
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		988.645.474.375	900.123.516.433
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	988.645.474.375	900.123.516.433
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		602.393.780.000	502.003.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		466.200.000	466.200.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(12.730.000)	(12.730.000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.269.108.362)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		203.768.444.603	196.095.232.636
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		44.698.279.618	31.770.994.473
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		16.297.687.654	10.660.738.002
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		117.472.762.500	156.847.509.684
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.492.739.698.294	2.857.748.384.893

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	375.347	472.949
Euro (EUR)	477	488
2. Hàng hóa nhận giữ hộ	13.626.147.996	-


Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng

Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX
Tầng 18, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	22	6.063.203.256.360	6.067.389.382.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		6.063.203.256.360	6.067.389.382.369
4. Giá vốn hàng bán	11	23	5.400.230.211.523	5.200.395.784.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		662.973.044.837	866.993.597.531
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	38.920.440.635	48.823.202.744
7. Chi phí tài chính	22	25	87.823.016.507	205.009.199.180
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77.059.413.159	74.225.259.299
8. Chi phí bán hàng	24		327.267.241.445	357.627.932.039
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		67.157.395.202	65.983.070.224
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		219.645.832.318	287.196.598.832
11. Thu nhập khác	31		9.842.027.417	19.295.391.473
12. Chi phí khác	32		2.752.905.966	2.752.885.617
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	7.089.121.451	16.542.505.856
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		226.734.953.769	303.739.104.688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	57.909.871.143	77.628.925.922
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		168.825.082.626	226.110.178.766
17. Lãi trên cơ bản cổ phiếu	70	28	2.803	3.754



Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013



Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX
Tầng 18, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.734.953.769	303.739.104.688
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	37.521.499.677	29.712.647.705
- Các khoản dự phòng	03	9.787.985.441	5.164.626.621
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.917.868.213)	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(14.045.592.503)	(24.453.747.194)
- Chi phí lãi vay	06	77.059.413.159	74.225.259.299
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	334.140.391.330	388.387.891.119
Thay đổi các khoản phải thu	09	207.189.040.039	(362.592.572.478)
Thay đổi hàng tồn kho	10	204.703.616.211	(182.377.551.580)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(162.406.618.036)	77.534.546.109
Thay đổi chi phí trả trước	12	(12.293.331.800)	(2.612.812.775)
Tiền lãi vay đã trả	13	(76.269.950.541)	(74.225.259.299)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(111.417.920.558)	(81.906.879.662)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	24.300.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.109.869.043)	(8.973.362.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	374.535.357.602	(246.741.701.196)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(43.071.115.162)	(136.331.949.966)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	728.207.886	95.454.545
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.855.069.905	24.156.431.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.487.837.371)	(112.060.063.882)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.545.868.960.600	4.525.290.547.910
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.817.847.676.558)	(4.242.220.491.379)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(73.095.280.100)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(345.073.996.058)	283.070.056.531
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(26.475.826)	(75.731.708.547)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	483.112.732.285	558.844.440.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	275.124.971	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	483.361.381.430	483.112.732.285

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Công ty tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 100.390.150.000 đồng. Do vậy, nghiệp vụ tăng vốn này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính của Công ty.



Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013



Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX
Tầng 18, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), hoạt động theo Luật doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1801/2003/QĐ/BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004 theo Biên bản bàn giao ký giữa đại diện Bộ Thương mại, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và Công ty Hóa dầu Petrolimex.

Cổ đông chi phối của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam sở hữu 79,07% số cổ phần, các cổ đông khác sở hữu 20,93% số cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 679 (31 tháng 12 năm 2011: 664).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 02 công ty con sau:

- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (100% vốn của Công ty);
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (100% vốn của Công ty).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hoá chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và sổ dư chủ yếu giữa công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng bạc đá quý, các khoản tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức) đối với thành phẩm và hàng hóa. Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 17
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX

Tầng 18, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hối tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc áp dụng Thông tư số 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 22 tháng 10 năm 2012, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu của báo cáo tài chính năm 2011. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

		31/12/2011		31/12/2011
Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo (VND)	Số điều chỉnh (VND)	Số sau điều chỉnh (VND)
Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	135	8.034.499.442	371.705.550	8.406.204.992
Hàng tồn kho	141	913.381.750.545	244.379.753	913.626.130.298
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	4.184.192.143	4.184.192.143
Tài sản cố định hữu hình	221	194.632.674.639	1.100.734.954	195.733.409.593
<i>Nguyên giá</i>	222	<i>379.757.999.684</i>	<i>6.111.970.507</i>	<i>385.869.970.191</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	<i>(185.125.325.045)</i>	<i>(5.011.235.553)</i>	<i>(190.136.560.598)</i>
Chi phí xây dựng dở dang	230	138.495.231.030	(6.111.970.507)	132.383.260.523
Phải trả người bán	312	455.817.513.429	107.139.388	455.924.652.817
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22.281.821.462	57.455.824.430	79.737.645.892
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(1.086.932.974)	(182.175.388)	(1.269.108.362)
Quỹ đầu tư phát triển	417	250.518.077.752	(54.422.845.116)	196.095.232.636
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	160.016.411.105	(3.168.901.421)	156.847.509.684
		Năm 2011		Năm 2011
		Số đã báo cáo (VND)	Số điều chỉnh (VND)	Số sau điều chỉnh (VND)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng	01	6.077.720.659.084	(10.331.276.715)	6.067.389.382.369
Giá vốn hàng bán	11	5.200.640.164.591	(244.379.753)	5.200.395.784.838
Doanh thu hoạt động tài chính	21	48.621.341.633	201.861.111	48.823.202.744
Chi phí bán hàng	24	358.089.739.952	(461.807.913)	357.627.932.039
Thu nhập khác	31	8.777.018.596	10.518.372.877	19.295.391.473
Chi phí khác	32	1.464.034.294	1.288.851.323	2.752.885.617
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	74.653.730.885	2.975.195.037	77.628.925.922
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	229.279.080.187	(3.168.901.421)	226.110.178.766
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	303.932.811.072	(193.706.384)	303.739.104.688
Khấu hao tài sản cố định	02	24.701.412.152	5.011.235.553	29.712.647.705
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(24.251.886.083)	(201.861.111)	(24.453.747.194)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(362.422.728.039)	(169.844.439)	(362.592.572.478)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(182.133.171.827)	(244.379.753)	(182.377.551.580)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	77.551.797.832	(17.251.723)	77.534.546.109
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.571.379.368	(4.184.192.143)	(2.612.812.775)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	2.002.545.454	2.234.879.239
Tiền gửi ngân hàng	200.301.435.976	297.352.303.046
Tiền đang chuyển	-	1.962.000.000
Các khoản tương đương tiền	281.057.400.000	181.563.550.000
	483.361.381.430	483.112.732.285
7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nhóm khách hàng		
Khách hàng dầu mỡ nhờn	204.878.390.851	252.911.194.916
Khách hàng nhựa đường	509.557.031.574	504.215.203.230
Khách hàng hóa chất	186.443.971.788	343.268.991.465
	900.879.394.213	1.100.395.389.611
Trừ: Dự phòng phải thu khó đòi	(100.394.920.902)	(90.496.817.301)
	800.484.473.311	1.009.898.572.310
8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Tạm ứng vốn kinh doanh	757.863.002	1.995.841.482
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	730.069.080	527.437.688
Phải thu về cổ tức	523.512.042	523.512.042
Phải thu về chậm trả tiền hàng	368.748.010	-
Lãi tiền gửi dự thu	236.209.155	201.861.111
Phải thu nhân viên do hao hụt khi vận chuyển	176.280.794	685.794.279
Phải thu về thuế được hoàn	-	2.183.240.693
Khác	1.971.385.165	2.288.517.697
	4.764.067.248	8.406.204.992
9. HÀNG TỒN KHO	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Hàng mua đang đi đường	45.377.148.665	105.329.541.232
Nguyên liệu, vật liệu	180.903.134.075	241.689.335.203
Công cụ, dụng cụ	11.109.562.377	10.761.818.702
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.196.732.429	30.174.253.821
Thành phẩm, hàng hóa	443.335.936.541	525.671.181.340
Tổng	708.922.514.087	913.626.130.298
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	708.922.514.087	913.626.130.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ký quỹ	6.908.509.750	493.831.438
Tạm ứng	5.509.322.464	4.762.958.281
Tài sản thiếu chờ xử lý	502.003.465	706.933.138
	12.919.835.679	5.963.722.857

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	180.442.973.631	87.403.223.157	98.361.156.210	19.662.617.193	385.869.970.191
(Trình bày lại)					
Tăng trong năm	11.250.873.942	45.523.951.774	4.470.242.910	6.124.589.439	67.369.658.065
Tăng do mua sắm	1.450.328.903	6.163.163.235	2.680.439.637	5.648.992.859	15.942.924.634
Tăng do đầu tư	9.800.545.039	39.360.788.539	1.789.803.273	475.596.580	51.426.733.431
XDCB hoàn thành					
Giảm trong năm	809.808.000	1.566.402.596	760.644.734	742.538.143	3.879.393.473
Giảm do thanh lý, giảm khác	809.808.000	1.566.402.596	760.644.734	742.538.143	3.879.393.473
Tại ngày 31/12/2012	190.884.039.573	131.360.772.335	102.070.754.386	25.044.668.489	449.360.234.783
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	81.237.504.017	45.808.264.854	47.360.185.724	15.730.606.003	190.136.560.598
(Trình bày lại)					
Tăng trong năm	14.041.112.120	11.972.659.518	9.669.789.540	2.667.857.455	38.351.418.633
Trích khấu hao	14.041.112.120	11.972.659.518	9.669.789.540	2.667.857.455	38.351.418.633
Giảm trong năm	809.808.000	2.308.423.204	846.623.663	739.757.562	4.704.612.429
Thanh lý	809.808.000	1.566.402.596	760.644.734	737.838.143	3.874.693.473
Giảm khác	-	742.020.608	85.978.929	1.919.419	829.918.956
Tại ngày 31/12/2012	94.468.808.137	55.472.501.168	56.183.351.601	17.658.705.896	223.783.366.802
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	96.415.231.436	75.888.271.167	45.887.402.785	7.385.962.593	225.576.867.981
Tại ngày 31/12/2011	99.205.469.614	41.594.958.303	51.000.970.486	3.932.011.190	195.733.409.593
(Trình bày lại)					

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 128.556.165.052 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 109.825.618.549 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định cầm cố cho các khoản vay dài hạn là 91.969.859.242 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 91.718.527.571 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Văn phòng Công ty tại Tòa nhà MIPEC (i)	-	56.308.941.495
Mở rộng kho Nhựa đường Nhà Bè	29.367.000	20.297.713.800
Mở rộng nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	24.003.802.569	16.310.471.277
Công trình Kho nhựa đường Thọ Quang	11.071.579.180	-
Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.094.935.595	7.050.319.063
Mở rộng kho nhựa đường Thượng Lý	1.348.921.244	4.658.368.601
Mở rộng nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	5.900.398.802	4.827.941.451
Thiết bị phòng hóa nghiệm	9.399.845.906	9.784.160.100
Nhà kho 1.500m ² và trạm cân	4.005.872.429	3.080.816.068
Nhà văn phòng Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng	3.234.686.485	3.234.686.485
Nhà hóa nghiệm và điều hành sản xuất kho Nhà Bè	366.145.691	366.145.691
Hai bể 1.650 m ² và ba bể 35 m ²	667.078.024	667.078.024
Nhà văn phòng Kho Đức Giang	3.336.478.493	1.876.118.817
Các công trình khác	5.429.294.534	3.920.499.651
	75.888.405.952	132.383.260.523

(i) Công ty đã tiến hành tạm nhận bàn giao sản tăng 18, 19 tòa nhà văn phòng MIPEC ngày 20 tháng 4 năm 2012 để lắp đặt nội thất và đưa vào sử dụng. Hiện tại, do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, nên Công ty đã ghi nhận số tiền đầu tư trên vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán. Quyền sử dụng diện tích văn phòng này đã được Công ty dùng để thế chấp cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 19.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Vốn thực góp đến 31/12/2012 VND	Tỷ lệ góp vốn %	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810	4.557.956.000	24,61%	24,61%	Xây dựng các công trình giao thông
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	34.000.000.000	39,64%	39,64%	Hoạt động vận tải hóa dầu
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (i)	5.000.000.000	50,00%	50,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng
Tổng cộng	43.557.956.000			

(i) Trong năm 2011, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã chuyển trả vốn góp cho Công ty số tiền là 4,4 tỷ đồng và Công ty đang phản ánh trên khoản mục Phải trả, phải nộp khác (xem Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Văn phòng Công ty tại Tòa nhà MIPEC	54.983.700.373	-
Công cụ, dụng cụ	5.195.977.524	-
Khác	1.568.936.453	8.750.000
	<u>61.748.614.350</u>	<u>8.750.000</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	1.053.830.779.840	1.295.676.936.884
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	285.050.799.568	309.537.747.339
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	245.488.534.096
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	308.405.680.694	116.277.751.671
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	100.068.923.453	182.225.891.728
Ngân hàng TMCP Quân đội	133.831.188.991	351.744.765.165
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	67.034.205.725	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	109.439.981.410	40.402.246.885
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.618.871.398	15.601.536.620
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	10.778.000.000	12.411.536.620
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.840.871.398	3.190.000.000
	<u>1.067.449.651.238</u>	<u>1.311.278.473.504</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay theo hạn mức hoặc theo hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng và không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay ngắn hạn trên được dùng để bổ sung nhu cầu tài trợ cho tài sản ngắn hạn của Công ty.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>(Trình bày lại)</u> <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	5.116.186.250	8.298.752.342
Thuế nhập khẩu	2.524.131.849	1.933.045.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.907.980.640	67.435.944.600
Thuế khác	1.475.412.737	2.069.903.844
	<u>25.023.711.476</u>	<u>79.737.645.892</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.807.813.522	6.450.412.840
Phải trả tạm quyết toán công trình Kho Hóa chất	2.394.891.182	8.888.344.743
Nhà Bè		
Khác	1.398.714.505	318.742.459
	<u>7.601.419.209</u>	<u>15.657.500.042</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả cổ tức từ phân phối lợi nhuận	397.853.400	203.104.500
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	4.400.000.000	4.400.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.008.655.198	2.451.736.251
Các khoản phải trả khác	4.103.097.065	9.350.022.100
	10.909.605.663	16.404.862.851

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	8.083.500.400	36.830.380.078
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	1.750.000.000	4.590.871.398
	9.833.500.400	41.421.251.476

- (i) Thể hiện khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng số 39/PGBHO ngày 20 tháng 8 năm 2009, thời hạn 5 năm với tổng hạn mức là 32.334.000.000 VND. Mục đích vay là huy động vốn để hợp tác đầu tư dưới hình thức nhận chuyển nhượng phần diện tích sân của tầng 18-19 Khối nhà văn phòng thuộc Dự án đầu tư của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội (MIPEC) tại số 229 Tây Sơn, Hà Nội để làm văn phòng cho Công ty và các công ty con. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (ii) Thể hiện khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với thời hạn vay là 5 đến 6 năm. Khoản vay được dùng để đầu tư tài sản cố định và nâng cấp hệ thống kho bãi của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.618.871.398	15.601.536.620
Trong năm thứ hai	9.833.500.400	15.252.408.018
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	26.168.843.458
Tổng cộng	23.452.371.798	57.022.788.096
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	13.618.871.398	15.601.536.620
Số phải trả sau 12 tháng	9.833.500.400	41.421.251.476

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DẦU PETROLIMEX

Tầng 18, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	349.236.190.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(1.679.213.336)	94.925.297.200	17.963.937.110	4.881.854.986	269.357.680.581	738.700.266.641
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	229.279.080.187	229.279.080.187
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	152.767.440.000	-	-	-	-	-	-	-	(152.767.440.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	155.592.780.552	13.807.057.263	5.778.883.016	(182.051.815.573)	(6.873.084.742)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	592.280.362	-	-	-	(3.801.094.090)	(3.208.813.728)
Tại ngày 01/01/2012	502.003.630.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(1.086.932.974)	250.518.077.752	31.770.994.473	10.660.738.002	160.016.411.105	957.897.438.358
Điều chỉnh lại (i)	-	-	-	-	(182.175.388)	(54.422.845.116)	-	-	(3.168.901.421)	(57.773.921.925)
Tại ngày 01/01/2012 (Sau điều chỉnh)	502.003.630.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(1.269.108.362)	196.095.232.636	31.770.994.473	10.660.738.002	156.847.509.684	900.123.516.433
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	168.825.082.626	168.825.082.626
Cổ phiếu thưởng (ii)	100.390.150.000	-	-	-	-	(100.390.150.000)	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	-	-	-	-	108.063.361.967	12.927.285.145	5.636.949.652	(126.627.596.764)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.282.204.333)	(8.282.204.333)
Trả cổ tức năm 2011 (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(25.099.545.000)	(25.099.545.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2012 (iv)	-	-	-	-	-	-	-	-	(48.190.484.000)	(48.190.484.000)
Tăng khác	-	-	-	-	1.269.108.362	-	-	-	287	1.269.108.649
Tại ngày 31/12/2012	602.393.780.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	203.768.444.603	44.698.279.618	16.297.687.654	117.472.762.500	988.645.474.375

(i) Căn cứ vào báo cáo của Kiểm toán Nhà nước ngày 22 tháng 10 năm 2012, Công ty thực hiện nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không thuộc đối tượng được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% đối với chứng khoán niêm yết lần đầu đã kê khai được hưởng ưu đãi trong hai năm 2009 và 2010 từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 54.422.845.116 đồng theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 25/NQ-PLC-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2012; đồng thời Công ty cũng điều chỉnh nội dung có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh theo báo cáo này với số tiền là 3.168.901.421 đồng vào khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và điều chỉnh bổ sung chênh lệch tỷ giá là 182.175.388 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2012, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty đã biểu quyết và thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng năm 2012 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển. Theo đó, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu là 10.039.015 cổ phần tương ứng với số tiền 100.390.150.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2012, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 bao gồm: trích Quỹ đầu tư phát triển 108.063.361.967 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính 12.927.285.145 đồng, trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 5.636.949.652 đồng, Quỹ thưởng Ban Điều hành là 500.000.000 đồng, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 7.782.204.333 đồng và trả cổ tức bằng tiền là 25.099.545.000 đồng.
- (iv) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 017/NQ-PLC-HĐQT ngày 31 tháng 8 năm 2012, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức 6 tháng đầu năm 2012 bằng tiền theo tỷ lệ 8%, tương ứng với 800 đồng/cổ phiếu tương đương với số tiền là 48.190.484.000 đồng. Mức cổ tức chính thức năm 2012 sẽ được Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt trong năm 2013.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ	Vốn góp tại ngày 31/12/2012
	VND/Cổ phần		%	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	10.000	47.630.212	79,07	476.302.120.000
Các cổ đông khác	10.000	12.609.166	20,93	126.091.660.000
		60.239.378	100,00	602.393.780.000

Số lượng cổ phiếu

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	60.239.378	50.200.363
Cổ phiếu phổ thông	60.239.378	50.200.363
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.273	1.273
Cổ phiếu phổ thông	1.273	1.273
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.238.105	50.199.090
Cổ phiếu phổ thông	60.238.105	50.199.090

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (Công ty mẹ): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn.
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty con): Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường.
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty con): Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Các thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán:

	Dầu mỏ nhờn 31/12/2012	Hóa chất 31/12/2012	Nhựa đường 31/12/2012	Loại trừ số dư nội bộ 31/12/2012	Cộng 31/12/2012
<u>Chi tiêu</u>	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.993.759.717	167.118.223.488	252.249.398.225	-	483.361.381.430
Các khoản phải thu ngắn hạn	319.362.583.208	203.548.040.998	432.493.417.748	(108.453.461.328)	846.950.580.626
Hàng tồn kho	399.260.716.830	156.876.827.201	152.784.970.056	-	708.922.514.087
Tài sản ngắn hạn khác	7.484.664.758	13.446.059.063	26.189.695.569	-	47.120.419.390
Tài sản cố định	122.810.362.569	73.955.049.032	104.699.862.332	-	301.465.273.933
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	243.170.914.478	-	-	(200.000.000.000)	43.170.914.478
Tài sản dài hạn khác	31.026.164.975	13.791.023.176	16.931.426.199	-	61.748.614.350
Tổng tài sản hợp nhất	1.187.109.166.535	628.735.222.958	985.348.770.129	(308.453.461.328)	2.492.739.698.294
Nguồn vốn					
Vay và nợ ngắn hạn	240.756.631.226	507.021.996.037	854.935.557.584	(108.453.461.328)	1.494.260.723.519
Vay và nợ dài hạn	8.083.500.400	-	1.750.000.000	-	9.833.500.400
Vốn chủ sở hữu	938.269.034.909	121.713.226.921	128.663.212.545	(200.000.000.000)	988.645.474.375
Tổng nguồn vốn hợp nhất	1.187.109.166.535	628.735.222.958	985.348.770.129	(308.453.461.328)	2.492.739.698.294

Kết quả hoạt động kinh doanh:

	Dầu mỏ nhờn 2012	Hóa chất 2012	Nhựa đường 2012	Loại trừ nội bộ 2012	Cộng 2012
<u>Chi tiêu</u>	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	2.193.701.855.825	1.648.502.127.412	2.256.311.559.334	(35.312.286.211)	6.063.203.256.360
Chi phí kinh doanh	1.973.969.737.610	1.674.595.595.675	2.181.401.801.096	(35.312.286.211)	5.794.654.848.170
- Giá vốn hàng bán	1.783.264.617.321	1.549.589.369.201	2.102.688.511.212	(35.312.286.211)	5.400.230.211.523
- Chi phí bán hàng	156.344.203.513	113.080.303.930	57.842.734.002	-	327.267.241.445
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.360.916.776	11.925.922.544	20.870.555.882	-	67.157.395.202
Kết quả kinh doanh bộ phận	219.732.118.215	(26.093.468.263)	74.909.758.238	-	268.548.408.190
Doanh thu hoạt động tài chính					38.920.440.635
Chi phí hoạt động tài chính					87.823.016.507
Thu nhập khác					7.089.121.451
Lợi nhuận trước thuế					226.734.953.769
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					57.909.871.143
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					168.825.082.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DOANH THU BÁN HÀNG

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Dầu mỡ nhờn	2.153.688.554.504	2.452.817.716.583
Hóa chất, dung môi	1.648.474.143.612	1.554.325.395.510
Nhựa đường	2.256.239.286.654	2.056.477.292.608
Doanh thu khác	4.801.271.590	3.768.977.668
	6.063.203.256.360	6.067.389.382.369

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Dầu mỡ nhờn	1.745.756.283.773	1.922.518.976.009
Hóa chất, dung môi	1.549.561.385.401	1.433.581.183.769
Nhựa đường	2.102.616.238.532	1.843.077.065.154
Giá vốn khác	2.296.303.817	1.218.559.906
	5.400.230.211.523	5.200.395.784.838

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi quá hạn phải thu và lãi tiền gửi ngân hàng	13.322.084.616	24.349.492.650
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.917.868.213	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.660.487.806	24.436.777.324
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	8.800.000
Khác	20.000.000	28.132.770
	38.920.440.635	48.823.202.744

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	77.059.413.159	74.225.259.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.873.721.508	130.286.780.199
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(110.118.160)	497.159.682
	87.823.016.507	205.009.199.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Thuế nhập khẩu năm trước được hoàn	5.244.311.570	3.577.155.019
Hoàn nhập quỹ trợ cấp mất việc làm	1.302.443.073	-
Thừa khi kiểm kê	734.522.013	-
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản, hàng hóa	1.524.396.552	2.698.447.562
Thu phạt bồi thường hợp đồng	-	10.352.248.937
Thu nhập khác	1.036.354.209	2.667.539.955
Cộng thu nhập khác	9.842.027.417	19.295.391.473
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không tham gia điều hành	297.430.000	262.040.000
Chi phí khấu hao bổ sung	31.604.429	1.288.851.323
Thiếu khi kiểm kê	197.295.791	-
Thuế nhập khẩu năm nay được hoàn	(732.425.605)	-
Thuế phải nộp bổ sung, tiền phạt hợp đồng	1.617.194.384	-
Chi phí khác	1.341.806.967	1.201.994.294
Cộng chi phí khác	2.752.905.966	2.752.885.617
Lợi nhuận khác	7.089.121.451	16.542.505.856

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	226.734.953.769	303.739.104.688
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	11.290.195.127
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	4.904.530.800	17.979.387.734
Tổng thu nhập chịu thuế	231.639.484.569	310.428.297.295
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	57.909.871.143	77.607.074.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	-	21.851.598
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	57.909.871.143	77.628.925.922

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	2012	2011
			(Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	168.825.082.626	226.110.178.766
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phần	60.238.105	60.238.105
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/cổ phần	2.803	3.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Trong năm 2012, Công ty thực hiện chia cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển, tương ứng với số cổ phiếu tăng thêm là 10.039.015 và thực hiện điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2011 được xác định lại là 3.754 VND/cổ phần (số trình bày trên báo cáo năm 2011 là 4.567 VND/cổ phần).

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.590.868.595.787	1.743.466.004.401
Chi phí nhân công	105.358.388.833	108.989.292.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.521.499.677	29.712.647.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.498.805.691	47.945.059.734
Chi phí khác	231.591.737.424	244.459.892.562
	2.002.839.027.412	2.174.572.896.528

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Các khoản vay	1.077.283.151.638	1.352.699.724.980
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	483.361.381.430	483.112.732.285
Nợ thuần	593.921.770.208	869.586.992.695
Vốn chủ sở hữu	988.645.474.375	900.123.516.433
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,60	0,97

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	483.361.381.430	483.112.732.285
Phải thu khách hàng và phải thu khác	805.248.540.559	1.018.304.777.302
Tài sản tài chính khác	6.908.509.750	493.831.438
Tổng cộng	1.295.518.431.739	1.501.911.341.025
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.077.283.151.638	1.352.699.724.980
Phải trả người bán và phải trả khác	365.711.014.361	481.595.821.736
Chi phí phải trả	7.601.419.209	15.657.500.042
Tổng cộng	1.450.595.585.208	1.849.953.046.758

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.135.786.244.860	1.608.541.294.009	44.022.341.665	78.904.064.227
Euro (EUR)	-	-	13.303.275	13.693.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng EURO.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(109.176.390.320)	(152.963.722.978)
Euro (EUR)	1.330.328	1.369.386

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	21.545.663.033
VND	-200	(21.545.663.033)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+200	27.053.994.500
VND	-200	(27.053.994.500)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 6 tháng là 190.644.139.692 đồng và Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 100.394.920.902 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	483.361.381.430	-	483.361.381.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	805.248.540.559	-	805.248.540.559
Tài sản tài chính khác	6.908.509.750	-	6.908.509.750
Cộng	1.295.518.431.739	-	1.295.518.431.739
31/12/2012			
Các khoản vay	1.067.449.651.238	9.833.500.400	1.077.283.151.638
Phải trả người bán và phải trả khác	365.711.014.361	-	365.711.014.361
Chi phí phải trả	7.601.419.209	-	7.601.419.209
Cộng	1.440.762.084.808	9.833.500.400	1.450.595.585.208
Chênh lệch thanh khoản thuần	(145.243.653.069)	(9.833.500.400)	(155.077.153.469)
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2011 (Trình bày lại)			
Tiền và các khoản tương đương tiền	483.112.732.285	-	483.112.732.285
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.018.304.777.302	-	1.018.304.777.302
Tài sản tài chính khác	493.831.438	-	493.831.438
Cộng	1.501.911.341.025	-	1.501.911.341.025
31/12/2011 (Trình bày lại)			
Các khoản vay	1.311.278.473.504	41.421.251.476	1.352.699.724.980
Phải trả người bán và phải trả khác	481.595.821.736	-	481.595.821.736
Chi phí phải trả	15.657.500.042	-	15.657.500.042
Cộng	1.808.531.795.282	41.421.251.476	1.849.953.046.758
Chênh lệch thanh khoản thuần	(306.620.454.257)	(41.421.251.476)	(348.041.705.733)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	967.322.132.892	1.075.743.668.856
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông 810	1.452.834.000	-
Mua hàng		
Công ty Liên doanh BP - PETCO	83.430.740.796	138.829.096.820
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	41.438.674.949	40.849.430.079

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	62.620.066.903	68.694.837.683
Các khoản phải trả		
Công ty liên doanh BP - PETCO	6.105.976.007	2.568.631.969
Các Công ty Xăng dầu thuộc Petrolimex	3.116.458.641	5.184.726.603
Phải trả khác		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	4.400.000.000	4.400.000.000
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	85.895.706.125	49.241.916.698
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	50.000.000.000	50.000.000.000

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013



Ngô Đức Giang
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc
